

BỘ TƯ PHÁP**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định của Nghị định
số 113/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ
về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật**

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 về việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật.

**Mục I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết và biện pháp thi hành các quy định về quy trình, hồ sơ thẩm định, cho ý kiến chương trình, dự án, viện trợ phi dự án về pháp luật; chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật; trình tự, thủ tục tạm đình chỉ, đình chỉ chương trình, dự án, viện trợ phi dự án về pháp luật và một số biểu mẫu về hợp tác quốc tế về pháp luật theo Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 113/2014/NĐ-CP).

Mục II
QUY TRÌNH, HỒ SƠ THẨM ĐỊNH,
CHO Ý KIẾN VĂN KIẾN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN,
VIỆN TRỢ PHI DỰ ÁN VỀ PHÁP LUẬT

Điều 2. Quy trình thẩm định văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

1. Sau khi tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan đối với văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan chủ quản (đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với chương trình, dự án sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài) có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp hồ sơ thẩm định văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật kèm theo công văn đề nghị thẩm định.

2. Trong trường hợp chương trình, dự án có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều Bộ, ngành hoặc chương trình, dự án do Bộ Tư pháp làm cơ quan chủ quản, Bộ Tư pháp tiến hành tổ chức họp tư vấn thẩm định.

Thành phần tham dự cuộc họp tư vấn thẩm định bao gồm đại diện Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp có trách nhiệm gửi văn bản thẩm định cho cơ quan chủ quản và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Hồ sơ thẩm định văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật

1. Hồ sơ thẩm định văn kiện chương trình, dự án sử dụng nguồn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ bao gồm các tài liệu được quy định tại Điều 26 của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ (sau đây gọi là Nghị định số 38/2013/NĐ-CP).

2. Hồ sơ thẩm định văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài bao gồm các tài liệu được quy định tại Điều 12 của Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 (sau đây gọi là Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài).

3. Cơ quan chủ quản (đối với văn kiện chương trình, dự án sử dụng ODA, vốn vay ưu đãi) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với văn kiện chương trình, dự án sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài) có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp một (01) bộ hồ sơ thẩm định văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật bằng bản giấy và bản điện tử. Bản điện tử được gửi tới Bộ Tư pháp theo địa chỉ qlhtqtpl@moj.gov.vn.

Điều 4. Quy trình cho ý kiến văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản

1. Trong quá trình thẩm định văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản theo quy định tại Nghị định số 38/2013/NĐ-CP và Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài, cơ quan chủ quản có trách nhiệm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, đồng thời gửi Bộ Tư pháp hồ sơ văn kiện chương trình, dự án để cho ý kiến.

2. Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản cho cơ quan chủ quản.

Điều 5. Hồ sơ cho ý kiến văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật

1. Hồ sơ cho ý kiến văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật sử dụng nguồn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ bao gồm:

- a) Quyết định phê duyệt Danh mục tài trợ của cấp có thẩm quyền;
- b) Dự thảo văn kiện chương trình, dự án bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có);
- c) Ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, nhà tài trợ (nếu có) trong quá trình lập văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật.

2. Hồ sơ cho ý kiến đối với văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài bao gồm:

- a) Văn bản thông báo hoặc cam kết xem xét của nhà tài trợ đối với nội dung khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;
- b) Dự thảo văn kiện chương trình, dự án bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có);
- c) Ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình lập văn kiện chương trình, dự án.

3. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp một (01) bộ hồ sơ cho ý kiến văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật bằng bản giấy và bản điện tử. Bản điện tử được gửi tới Bộ Tư pháp theo địa chỉ qlhtqtpl@moj.gov.vn.

Điều 6. Quy trình cho ý kiến viện trợ phi dự án về pháp luật

1. Trong quá trình lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, cơ quan chủ quản (đối với viện trợ phi dự án về pháp luật sử dụng nguồn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ), cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định (đối với viện trợ phi dự án về pháp luật sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài) có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp hồ sơ viện trợ phi dự án về pháp luật để cho ý kiến.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản cho cơ quan chủ quản hoặc cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định.

Điều 7. Hồ sơ cho ý kiến viện trợ phi dự án về pháp luật

1. Hồ sơ cho ý kiến viện trợ phi dự án về pháp luật sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ bao gồm:

- a) Quyết định phê duyệt Danh mục tài trợ của cấp có thẩm quyền;
- b) Dự thảo văn kiện viện trợ phi dự án về pháp luật đối với viện trợ phi dự án có quy mô tương đương từ 20.000 đô la Mỹ trở lên;
- c) Ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, nhà tài trợ (nếu có) trong quá trình xây dựng hồ sơ viện trợ phi dự án về pháp luật.

2. Hồ sơ cho ý kiến viện trợ phi dự án về pháp luật sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài bao gồm các tài liệu được quy định tại Điều 9 của Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

3. Cơ quan chủ quản hoặc cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp một (01) bộ hồ sơ cho ý kiến viện trợ phi dự án về pháp luật bằng bản giấy và bản điện tử. Bản điện tử được gửi tới Bộ Tư pháp theo địa chỉ qlhtqtpl@moj.gov.vn.

Mục III CHIA SẺ THÔNG TIN, KẾT QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁP LUẬT

Điều 8. Nguyên tắc chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật

1. Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật được chia sẻ.

2. Việc chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời, khách quan, trung thực và bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 9. Nội dung chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật

Căn cứ từng hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật bao gồm một hoặc nhiều các nội dung sau đây:

1. Các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về hợp tác pháp luật bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

2. Các văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật; các văn kiện viện trợ phi dự án về pháp luật bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có).

3. Các loại báo cáo: báo cáo kết thúc chương trình, dự án, viện trợ phi dự án; báo cáo kết quả nghiên cứu; báo cáo kết quả khảo sát.

4. Thông tin về chuyên gia tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật.

5. Báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo, tọa đàm quốc tế về pháp luật, chương trình, tham luận và các tài liệu khác được phát hành tại hội nghị, hội thảo, tọa đàm.

6. Các thông tin khác có liên quan.

Điều 10. Thời hạn chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hoạt động hợp tác, cơ quan chủ quản thực hiện việc chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP. Bản điện tử được gửi tới Bộ Tư pháp theo địa chỉ qlhtqtpl@moj.gov.vn.

Mục IV

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TẠM ĐÌNH CHỈ,
ĐÌNH CHỈ CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN, VIỆN TRỢ PHI DỰ ÁN VỀ PHÁP LUẬT**

Điều 11. Tạm đình chỉ, đình chỉ chương trình, dự án, viện trợ phi dự án về pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

1. Cơ quan chủ quản trong quá trình quản lý thực hiện chương trình, dự án, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi kiểm tra việc thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương, Bộ Tư pháp khi tiến hành kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật trong phạm vi cả nước khi phát hiện hành vi thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 18 của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP có văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tạm đình chỉ, đình chỉ chương trình, dự án, viện trợ phi dự án về pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hành vi thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 18 của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, các cơ quan nêu tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tạm đình chỉ, đình chỉ chương trình, dự án, viện trợ phi dự án về pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.